



tesa® 51865 Next Gen - Team 4965 Differential



Thông tin Sản phẩm

Băng keo có lớp nền film hai mặt trong suốt bất đối xứng 165µm

Product Description

tesa® 51865 là băng keo hai mặt tự dính trong suốt với đặc tính phủ lượng keo phủ không đồng đều ở hai mặt, gồm lớp nền PET và keo acrylic kết dính. Mặt có lớp lót che của tesa® 51865 có lượng keo phủ cao hơn để tối ưu hóa khả năng điều chỉnh khi ứng dụng băng dính trên nhiều bề mặt. Mặt mở của tesa® 51865 có lượng keo phủ ít hơn để đảm bảo dính chắc trên khung bằng phẳng được ép dưới các điều kiện.

tesa® 51865 có các tính năng đặc biệt sau:

- kết dính tốt trên khung định hình
- Bám dính tốt trên các bề mặt năng lượng thấp
- Có thể sử dụng ngay sau khi lắp ráp
- Phù hợp cho hầu hết các ứng dụng yêu cầu cao như lực ép nặng, chịu nhiệt cao hay các bề mặt khó bám dính.

Sustainable Aspects

- tesa® 51865 Next Gen with -37% CO₂ emissions* compared to tesa® 51865
- Biomass balanced tackified acrylic adhesive
- 90% PCR PET in the backing



For more information: <https://www.tesa.com/product-sustainability>

Đặc trưng

- Asymmetrical product design with 100µm adhesive on liner-covered side and 60µm on open side for defined substrates
- Excellent bond to extruded trims and profiles
- Skin contact certification according to ISO 10993-5 and ISO 10993-10
- Reliable bond, often also on low surface energy surfaces
- Immediate usability right after assembly
- Low VOC – measured according to VDA 278 analysis

Ứng dụng

- Liên kết các thanh, khung trang trí và các ứng dụng trong ngành nội thất
- Dán ép thẻ từ
- Sản xuất bộ cuốn màn màn
- Trang bị các khung định hình được đúc bằng nhựa với băng keo filmic hai mặt trong suốt

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51865>



tesa[®] 51865

Next Gen - Team 4965 Differential

Thông tin Sản phẩm

Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

Cấu tạo sản phẩm

• Backing	Film PET	• Độ dày	165 µm
• Post-consumer recycled content of backing	90 %	• Màu sắc	trong suốt
• Loại keo	acrylic cải tiến		

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

• Độ giãn dài tới đứt	55 %	• Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C	rất tốt
• Lực kéo căng	20 N/cm	• Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C	rất tốt
• Chịu nhiệt trong dài hạn	100 °C	• Khả năng chống lão hóa (UV)	tốt
• Chịu nhiệt trong ngắn hạn	200 °C	• Khả năng chống ẩm	rất tốt
• Kháng chất làm mềm	tốt	• Temperature resistance min.	-40 °C
• Kháng hóa chất	tốt	• Độ dính ban đầu	tốt



tesa® 51865

Next Gen - Team 4965 Differential

Thông tin Sản phẩm

Độ bám dính

• ABS (ban đầu)	9.5 N/cm	• PET (mặt có lớp lót che, ban đầu)	10 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	10 N/cm	• PET (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	10.5 N/cm
• ABS (mặt có lớp lót che, ban đầu)	12 N/cm	• PP (ban đầu)	7 N/cm
• ABS (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	13 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	8 N/cm
• nhôm (ban đầu)	9 N/cm	• PP (mặt có lớp lót che, ban đầu)	8 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	9.5 N/cm	• PP (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	8.5 N/cm
• nhôm (mặt có lớp lót che, ban đầu)	12 N/cm	• PS (ban đầu)	9 N/cm
• nhôm (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	12.5 N/cm	• PS (sau 14 ngày)	11 N/cm
• PC (ban đầu)	9 N/cm	• PS (mặt có lớp lót che, ban đầu)	12 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	12 N/cm	• PS (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	13.5 N/cm
• PC (mặt có lớp lót che, ban đầu)	13 N/cm	• PVC (ban đầu)	7 N/cm
• PC (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	15 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	11 N/cm
• PE (ban đầu)	6.5 N/cm	• PVC (mặt có lớp lót che, ban đầu)	9 N/cm
• PE (sau 14 ngày)	7 N/cm	• PVC (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	14 N/cm
• PE (mặt có lớp lót che, ban đầu)	7 N/cm	• thép (ban đầu)	9.6 N/cm
• PE (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	8 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	11.5 N/cm
• PET (ban đầu)	9 N/cm	• thép (mặt có lớp lót che, ban đầu)	13.3 N/cm
• PET (sau 14 ngày)	9.5 N/cm	• thép (mặt có lớp lót che, sau 14 ngày)	14.5 N/cm

Chứng chỉ

Sustainability Certificates

tesa® 51865 Next Gen – Team 4965 Differential contains a 90% recycled PET backing, resulting in an average of 6% post-consumer recycled content (including red MOPP liner) in the tape. This is a third-party environmental claim validated against the UL Environmental Claim Validation Procedure 2809 for recycled content. The UL Environmental Claim Validation Program falls under UL's ISO/IEC17025 accreditation.



tesa[®] 51865

Next Gen - Team 4965 Differential

Thông tin Sản phẩm

Thông tin thêm

Các loại lớp lót: PV0: giấy glassine nâu (69 μ m; 80g/m²) PV2: giấy glassine nâu (78 μ m; 90g/m²) PV6: film MOPP đỏ (80 μ m; 72g/m²)

Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=51865>